TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4-TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 35/2025/QĐST-HNGĐ	*Tuyên Quang, ngày 08 tháng 8 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 04/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2025 giữa:

Nguyên đơn: Lê Thị T, sinh năm 19.., địa chỉ: số nhà ..., đường V, tổ 12, phường H, tỉnh T1. CCCD số 00... Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày .../.../20...

Bị đơn: Nguyễn Đình T2, sinh năm 19..., địa chỉ: số nhà ..., đường V, tổ 12, phường H, tỉnh T1. Số định danh cá nhân 00...

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31 tháng 7 năm 2025,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31 tháng 7 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Bà Lê Thị T và ông Nguyễn Đình T2.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T và ông Nguyễn Đình T2 thuận tình ly hôn.
- Con chung: Hai ông bà nhất trí thỏa thuận (theo nguyện vọng của con):

Bà Lê Thị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Anh Đ sinh ngày .../.../20... cho đến khi chá đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Đình T2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bà Lê Thị T.

Ông Nguyễn Đình T2 được quyền đi lại, thăm nom con chung, bà Lê Thị T không được ngăn cản.

Việc nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung là không cố định.

Con lớn Nguyễn Lê Thảo N đã trưởng thành, ông bà không đề nghị giải quyết.

- Tải sản chung: Ông bà không có, không đề nghị giải quyết.
- Công nợ chung: Ông bà không có, không đề nghị giải quyết.
- Án phí: áp dụng khoản 3, 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5, 6 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bà Lê Thị T tự nguyện chịu cả án phí HNGĐ – ST là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000037 ngày 15/7/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang, hoàn trả cho bà Lê Thị T 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
(UBND xã Sủng Máng, tỉnh Tuyên Quang)
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thúy Yên